TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7- 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thọ Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;

2. Bà Nguyễn Thị Thân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị V, sinh năm 1973;

Cư trú tại: Tổ 13, ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Trọng H, sinh năm 1972;

Cư trú tại: Tổ 13, ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày:

Chị và anh Phạm Trọng H tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân M, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào năm 2000. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H có quan hệ về tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, chị V

đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H không nghe. Đến năm 2011 anh H bỏ về nhà mẹ ruột ở cùng ấp sống cho đến nay không quan tâm đến chị và các con. Chị đã cho anh H cơ hội nhiều năm nay để thay đổi và về sống với vợ con nhưng từ năm 2011 đến nay anh H chưa có lần nào về thăm chị và các con, không quan tâm đến gia đình, một mình chị V phải lo lắng chăm sóc các con. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Do chị và anh H chung sống không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, anh H không quan tâm đến vợ con, thời gian ly thân đã lâu nên chị V xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Phạm Thị V và anh Phạm Trọng H chung sống có 03 con chung tên Phạm Thị T, sinh ngày 19/5/1992; Phạm Trọng T, sinh ngày 06/10/1993; Phạm Trọng N, sinh ngày 25/4/2000, hiện nay các con chung, đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Trọng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:

Qua xác minh chính quyền địa phương nơi anh Phạm Trọng H cư trú xác định: Anh Phạm Trọng H cư trú tại tổ 13, ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Anh H đang cư trú, sinh sống tại địa phương, nhưng thường xuyên đi vắng. Hàng xóm gần nơi chị V và anh H sinh sống cho biết chị V và anh H không còn sống chung nhà đã lâu, chị V và các con sống tại nhà chị V, anh H, còn anh H sống bên nhà cha mẹ ruột của anh H ở cùng ấp T, xã M. Anh H thường xuyên đi làm xa, ít khi về nhà. Trong thời gian chị V và anh H còn sống chung nhà anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, sau đó anh H bỏ về nhà ba mẹ ruột sống đến nay, không quan tâm đến chị V và các con, một mình chị V phải lo lắng, chăm sóc cho các con từ năm 2011 đến nay.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị V và anh Phạm Trọng H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị V, chị V được ly hôn với anh Phạm Trọng H; chị V và anh H chung sống có 03 con chung tên Phạm Thị T, sinh ngày 19/5/1992; Phạm Trọng T, sinh ngày

06/10/1993; Phạm Trọng N, sinh ngày 25/4/2000, hiện nay các con chung, đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên ghi nhận chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị V chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Phạm Thị V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Phạm Trọng H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị V và anh Phạm Trọng H.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Phạm Trọng H chung sống vợ chồng từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào năm 2000. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống vợ chồng của chị Phạm Thị V và anh Phạm Trọng H mâu thuẫn phát sinh từ năm 2010, chủ yếu do anh Hình có quan hệ về tình cảm với người phụ nữ khác, chị V và anh H ly thân từ năm 2011 đến nay, anh H không quan tâm chăm lo cho gia đình và vợ, con. Anh Phạm Trọng H đã vi phạm Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về việc vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình. Hơn nữa, sau khi anh, chị phát sinh mâu thuẫn anh Hình cũng không có thiện trí gặp gỡ chị V để cùng giải quyết mâu thuẫn giữa hai người. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh H mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị V, chị Phạm Thị V được ly hôn với anh Phạm Trọng H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị V và anh Phạm Trọng H có ba con chung Phạm Thị T, sinh ngày 19/5/1992; Phạm Trọng T, sinh ngày 06/10/1993; Phạm Trọng N, sinh ngày 25/4/2000, hiện nay các con chung, đã trưởng thành, không bị ảnh hưởng về thể chất hoặc tâm thần, tự lao động nuôi sống bản thân, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a,khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị V được ly hôn với anh Phạm Trọng H.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị V và anh Phạm Trọng H có 03 con chung tên Phạm Thị T, sinh ngày 19/5/1992; Phạm Trọng T, sinh ngày 06/10/1993; Phạm Trọng N, sinh ngày 25/4/2000, hiện các con chung đã trưởng thành, không bị ảnh hưởng về thể chất hoặc tâm thần, tự lao động nuôi sống bản thân và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị V không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006070 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị V và anh Phạm Trọng H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTr-NV-THA,Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện TB;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.X.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thọ Cường